TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2024/HNGĐ – ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2024.
" V/v Ly hôn,tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Minh Thanh;
2. Ông Nguyễn Xuân Hùng;

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15A/2024/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thế A, sinh ngày 16/7/1998.
Địa chỉ: Đội 13, khu phố Nh, phường H, thành phố Hn, tỉnh Hưng Yên.
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Tẩn San M, sinh ngày 03/7/2000.
Địa chỉ: thôn T, xã A , huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 28/02/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn anh Trần Thế A trình bày:

Anh và chị Tẩn San M kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/4/2022 theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm không thống nhất, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/4/2023, chị Mẩy bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã A , huyện B, tỉnh Lào Cai để ở, từ khi sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, chị Mẩy không về thăm con lần nào, sau khi mâu thuẫn sảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải động viên nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tẩn San M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Mẩy sinh được 01 người con, cháu Trần Quang Kh, sinh ngày 13/6/2022. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu vẫn ở với anh, nay anh có nguyện vọng được nhận nuôi cháu Trần Quang Kh đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, chị Tẩn San M, do chị thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy không tống đạt trực tiếp được, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị M không đến và không nộp tài liệu chứng cứ gì.

Do chị Mẩy không đến Tòa án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được, mặt khác anh Trần Thế A có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên có quan điểm:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của anh Trần Thế A:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Thế A được ly hôn chị Tẩn San M.

Về con chung: Giao cháu Trần Quang Khải, sinh ngày 13/6/2022 cho anh Trần Thế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tẩn San M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, anh Trần Thế A phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Tẩn San M có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Thế A có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Tẩn San M vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Thế A và Chị Tẩn San M.

[2] Anh Trần Thế A và Chị Tẩn San M kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh H vào ngày 08/4/2022 theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2022 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Anh Trần Thế A và chị Tẩn San M sau ngày cưới về chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, quan điểm không thống nhất, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/4/2023, chị Mẩy bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tung Qua, xã A Mú Sung để ở, từ khi sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, chính quyền địa phương nơi chị Mẩy cư trú xác nhận chị Mẩy về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2023, từ khi chị Mẩy về nhà mẹ đẻ không thấy anh Thế Anh đến thăm. Xét thấy mâu thuẫn của anh Trần Thế A và chị Tẩn San M là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do anh Trần Thế A cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương. Nay anh Trần Thế A xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thế A, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Trần Thế A

được ly hôn chị Tẩn San M. Quan hệ hôn nhân của anh Trần Thế A và chị Tẩn San M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về con: Anh Trần Thế A và chị Tẩn San M sinh được một con chung, cháu tên là Trần Quang Kh, sinh ngày 13/6/2022. Khi ly hôn anh Trần Thế A có nguyện vọng được nuôi cháu, không yêu cầu chị Tẩn San M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy chị Tẩn San M thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, từ khi thụ lý vụ án chị Tẩn San M không đến và không có văn bản trả lời, mặc dù cháu Trần Quang Khải dưới 36 tháng tuổi nhưng chị Tẩn San M từ khi hai vợ chồng sống ly thân tháng 5/2023 không về thăm con lần nào, quá trình Tòa án giải quyết chị Mẩy không đến và không có văn bản trả lời , như vậy chị Mẩy không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quang Khải, chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thế A, giao cháu Trần Quang Kh cho anh Trần Thế A nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Thế A không yêu cầu chị Tẩn San M cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, anh Trần Thế A phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử cho anh Trần Thế A được ly hôn chị Tẩn San M. Quan hệ hôn nhân của anh Trần Thế A và chị Tẩn San M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Anh Trần Thế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quang Kh, sinh ngày 13/6/2022 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Trần Thế A không yêu cầu chị Tẩn San M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Tẩn San M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Thế A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0000609 ngày 11 tháng 3 năm 2024. 4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đương sự (2);
- UBND P. H, TP H;
- THA DS;
- Lưu TA,VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến